

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KHẮC PHI (Tổng chủ biên) – NGUYỄN ĐÌNH CHÚ (Chủ biên phần Văn)
NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên phần Tiếng Việt) – TRẦN ĐÌNH SỬ (Chủ biên
phần Tập làm văn) – BÙI MẠNH NHỊ – NGUYỄN QUANG NINH – ĐỖ NGỌC THỐNG

Ngữ văn 6

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ mười)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo

01-2012/CXB/300 - 1095/GD

Mã số : 2H608T2

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách giáo khoa *Ngữ văn* bậc Trung học cơ sở được biên soạn theo Chương trình Trung học cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 03/2002/QĐ-BGD & ĐT, ngày 24 tháng 1 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh những hướng cải tiến chung của bộ Chương trình như *giảm tải, tăng thực hành, gắn đời sống*, nét cải tiến nổi bật nhất của Chương trình và sách giáo khoa môn *Ngữ văn* là hướng *tích hợp*. Biểu hiện rõ nhất của hướng đó là việc sáp nhập ba phần lâu nay vẫn thường được gọi là ba phân môn (Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn) vào một chỉnh thể là *Ngữ văn* và do đó, từ chỗ có ba bộ sách *Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn*, nay chỉ còn có một bộ sách duy nhất là *Ngữ văn*. Việc thay đổi cấu tạo và tên gọi môn học ảnh hưởng không nhỏ đến cấu trúc sách giáo khoa, tổ chức bài học cũng như nhiều mặt của nội dung và phương pháp học tập, giảng dạy. Mỗi bài học, đơn vị của sách giáo khoa, nói chung đều gồm đủ ba phần : Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. Mục *Kết quả cần đạt* đặt ở đầu nêu mục tiêu mà học sinh cần đạt tới ở mỗi bài, nói chung cũng gồm đủ ba phần ứng với ba phân môn. Trừ phần *Văn bản* và *Chú thích* dùng chung cho cả ba phần, các mục còn lại đều thống nhất sắp xếp theo trình tự Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. Các văn bản được bố trí theo hệ thống thể loại và phần nào theo tiến trình văn học sử. Trong phần *Chú thích*, các yếu tố Hán Việt khi được giải thích riêng đều in nghiêng ; phần lớn những yếu tố này sẽ được tập hợp lại một cách có hệ thống ở cuối sách giáo khoa tập hai của mỗi lớp. Ngoài số lớn văn bản được hướng dẫn tìm hiểu tại lớp, còn một số văn bản "tự học có hướng dẫn" mang tính chất bắt buộc nhằm hình thành, phát triển thói quen và khả năng tự học, tìm tòi nghiên cứu ; số lượng loại văn bản này sẽ được nâng dần lên ở những lớp trên. Ở từng phân môn, còn một số văn bản phụ và văn bản "đọc thêm" có tính chất tư liệu nhằm giúp học sinh hiểu rõ hơn một vài phương diện của văn bản chính, nắm vững hơn các vấn đề lí thuyết hay có thêm chất liệu để làm tốt hơn các bài tập.

Để học tốt môn Ngữ văn theo tinh thần mới, điều mà học sinh cần lưu ý nhất trong phương pháp học tập là kết hợp chặt chẽ việc học tập, rèn luyện các kiến thức, kĩ năng của ba phân môn. Dĩ nhiên, mỗi phân môn đều có một số yêu cầu riêng cần nắm vững. Để đạt được điều đó, cần chú ý các bài *Tổng kết*, *Ôn tập* và riêng ở phần Văn, cần đọc kĩ những chú thích dấu sao (★) nói về đặc trưng các thể loại văn học.

Sách giáo khoa là công cụ để thầy (cô) giáo tổ chức hoạt động học tập của học sinh trên lớp cũng như ở nhà. Bởi vậy, điều quyết định kết quả học tập là sự quán triệt mục tiêu, yêu cầu của môn học, của từng bài học cụ thể cũng như quyết tâm thực hiện các yêu cầu đó của mỗi người.

Rất mong và tin rằng tất cả các em học sinh đều có đầy đủ nhận thức và quyết tâm ấy.

TM. Nhóm biên soạn

Tổng chủ biên

NGUYỄN KHẮC PHI

BÀI 1

Kết quả cần đạt

- Bước đầu nắm được định nghĩa **truyện thuyết**. Hiểu nội dung, ý nghĩa và những chi tiết tưởng tượng kì ảo của truyện **Con Rồng cháu Tiên** và **Bánh chưng, bánh giầy** trong bài học. Kể được hai truyện này.
- Nắm được định nghĩa về **từ** và ôn lại các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt đã học ở bậc Tiểu học.
- Nắm được **mục đích giao tiếp** và các dạng thức của **văn bản**.

VĂN BẢN

CON RỒNG CHÁU TIÊN

(Truyện thuyết (★))

Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh⁽¹⁾ – những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thuỷ cung⁽²⁾ với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông⁽³⁾, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô⁽⁴⁾, khoẻ mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung. Âu Cơ ở lại một mình nuôi con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở :

– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con ?

Lạc Long Quân nói :

– Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình, tập quán⁽⁵⁾ khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi chia tay nhau lên đường.

Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô⁽⁶⁾ ở đất Phong Châu⁽⁷⁾, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ ; con trai vua gọi là lang, con gái vua gọi là mị nương ; khi cha chết



thì ngôi được truyền cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy hiệu là Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta – con cháu vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Chú thích

(★) *Truyền thuyết*: loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

Trong sáu truyền thuyết ở sách này, bốn truyện đầu là những truyền thuyết về thời đại Hùng Vương – thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Những truyền thuyết này gắn với nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời các vua Hùng. Truyện thứ năm – *Sự tích Hồ Gươm* – là truyền thuyết về thời Hậu Lê. So với những truyền thuyết về thời kì đầu dựng nước, những truyền thuyết về thời sau ít yếu tố hoang đường hơn và theo sát lịch sử hơn.

Truyền thuyết Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ với thần thoại. Nhiều truyền thuyết, đặc biệt truyền thuyết về thời các vua Hùng, là những thần thoại đã được lịch sử hoá.

(1) *Ngư Tinh*: con cá sống lâu năm thành yêu quái; *Hồ Tinh*: con cáo sống lâu năm thành yêu quái; *Mộc Tinh*: cây sống lâu năm thành yêu quái (*ngư*: cá; *tinh*: yêu quái, như trong "cáo thành tinh" hoặc thần linh, như trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*).

(2) *Thủy cung*: cung điện dưới nước (*thủy*: nước; *cung*: nơi ở của vua hoặc toà nhà, công trình kiến trúc lớn).

(3) *Thần Nông*: nhân vật trong thần thoại và truyền thuyết đã dạy loài người trồng trọt và cấy cấy.

(4) *Khô ngô*: (vẻ mặt) sáng sủa, thông minh.

(5) *Tập quán*: thói quen của một cộng đồng (địa phương, dân tộc, v.v...) được hình thành từ lâu trong đời sống, được mọi người làm theo.

(6) *Đóng đô* : lập kinh đô.

(7) *Phong Châu* : tên gọi một vùng đất cổ, nay chủ yếu thuộc địa bàn tỉnh Phú Thọ, mà Việt Trì và Bạch Hạc là trung tâm.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hãy tìm những chi tiết trong truyện thể hiện tính chất kì lạ, cao quý về nguồn gốc và hình dạng của Lạc Long Quân và Âu Cơ.

2. Việc kết duyên của Lạc Long Quân cùng Âu Cơ và chuyện Âu Cơ sinh nở có gì kì lạ ? Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con như thế nào và để làm gì ? Theo truyện này thì người Việt là con cháu của ai ?

3. Em hiểu thế nào là chi tiết *tưởng tượng kì ảo* ? Hãy nói rõ vai trò của các chi tiết này trong truyện.

4. Thảo luận ở lớp : Ý nghĩa của truyện *Con Rồng cháu Tiên*. Hãy đọc phần *Đọc thêm* để hiểu đầy đủ hơn ý nghĩa đó.

Ghi nhớ

- Định nghĩa **truyện thuyết** (như chú thích (★) trang 7).
- Truyện **Con Rồng cháu Tiên** có nhiều chi tiết *tưởng tượng kì ảo* (như hình tượng các nhân vật thần có nhiều phép lạ và hình tượng bọc trăm trứng, v.v...) nhằm *giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng của người Việt*.

LUYỆN TẬP

1*. Em biết những truyện nào của các dân tộc khác ở Việt Nam cũng giải thích nguồn gốc dân tộc tương tự như truyện *Con Rồng cháu Tiên* ? Sự giống nhau ấy khẳng định điều gì ?

2. Hãy kể diễn cảm truyện *Con Rồng cháu Tiên*.

ĐỌC THÊM

– *Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba*^(a).

(a) Ngày mùng mười tháng ba âm lịch hằng năm là ngày giỗ Tổ Hùng Vương, tức là ngày tưởng nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước.

– Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

(Ca dao)

– Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi Chim về
Nước là nơi Rồng ở
Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng
Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ.

(Nguyễn Khoa Điềm, *Mặt đường khát vọng*)

VĂN BẢN

BÁNH CHUNG, BÁNH GIẤY

(Truyền thuyết)

(Tự học có hướng dẫn)

Hùng Vương lúc về già, muốn truyền ngôi, nhưng nhà vua có những hai mươi người con trai, không biết chọn ai cho xứng đáng. Giặc ngoài đã dẹp yên, nhưng dân có ấm no, ngai vàng mới vững. Nhà vua bèn gọi các con lại và nói :

– Tổ tiên⁽¹⁾ ta từ khi dựng nước, đã truyền được sáu đời. Giặc Ân⁽²⁾ nhiều lần xâm lấn bờ cõi, nhờ phúc ả⁽³⁾ Tiên vương⁽⁴⁾ ta đều đánh đuổi được, thiên hạ được hưởng thái bình. Nhưng ta già rồi, không sống mãi ở đời, người nối ngôi ta phải nối được chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng. Năm nay, nhân lễ Tiên vương, ai làm vừa ý ta, ta sẽ truyền ngôi cho, có Tiên vương chứng giám⁽⁵⁾.

Các lang ai cũng muốn ngôi báu về mình, nên cố làm vừa ý vua cha. Nhưng ý vua cha như thế nào, không ai đoán được. Họ chỉ biết đua nhau làm cỗ thật hậu⁽⁶⁾, thật ngon đem về lễ Tiên vương.

Người buồn nhất là Lang Liêu. Chàng là con thứ mười tám ; mẹ chàng trước kia bị vua cha ghẻ lạnh⁽⁷⁾, ốm rồi chết. So với anh em, chàng thiệt thòi nhất. Những anh em của chàng sai người đi tìm của quý trên rừng, dưới biển. Còn chàng, từ khi lớn lên, ra ở riêng chỉ chăm lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai ; bây giờ nhìn quanh trong nhà cũng chỉ có khoai, lúa là nhiều. Nhưng khoai, lúa tầm thường quá !

Một đêm, chàng nằm mộng thấy thần đến bảo :

– Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo. Chỉ có gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Các thứ khác tuy ngon, nhưng hiếm, mà người không làm ra được. Còn lúa gạo thì mình trồng lấy, trồng nhiều được nhiều. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương.



Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng ngẫm nghĩ, chàng càng thấy lời thần nói đúng. Chàng bèn chọn thứ gạo nếp thơm lừng, trắng tinh, hạt nào hạt nấy tròn mẩy, đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạo nếp ấy, chàng đồ⁽⁸⁾ lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn.

Đến ngày lễ Tiên vương, các lang mang sơn hào hải vị⁽⁹⁾, nem công chả phượng⁽¹⁰⁾ tới, chẳng thiếu thứ gì. Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chồng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế⁽¹¹⁾ Trời, Đất cùng Tiên vương.

Lễ xong, vua cho đem bánh ra ăn cùng với quần thần⁽¹²⁾. Ai cũng tấm tắc khen ngon.

Vua họp mọi người lại nói :

– Bánh hình tròn là tượng Trời⁽¹³⁾ ta đặt tên là bánh giầy. Bánh hình vuông là tượng Đất⁽¹⁴⁾, các thứ thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài, ta đặt tên là bánh chưng. Lá bọc ngoài, nếp⁽¹⁵⁾ để trong là ngụ ý trùm bọc nhau. Lang Liêu đã dâng lễ vật hợp với ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, xin Tiên vương chứng giám.

Từ đấy, nước ta chăm nghề trồng trọt, chăn nuôi và có tục ngày Tết làm bánh chưng, bánh giầy. Thiếu bánh chưng, bánh giầy là thiếu hẳn hương vị ngày Tết.

(Theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập I –
Văn học dân gian, NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chú thích

- (1) *Tổ tiên* : các thế hệ cha ông, cụ kị, ... đã qua đời.
- (2) *Giặc Ân* : chỉ giặc phương Bắc xâm lược nước ta thời đó.
- (3) *Phúc ẩm* : phúc của tổ tiên để lại cho con cháu.
- (4) *Tiên vương* : từ tôn xưng vua đời trước đã mất (thường cùng một triều đại) (*tiên* : trước, trái nghĩa với *hậu* : sau).
- (5) *Chứng giám* : soi xét và làm chứng.
- (6) *Hậu* : ở đây muốn nói cỡ to hơn mức bình thường (*hậu* : dày).
- (7) *Ghê lạnh* : thờ ơ, nhạt nhẽo, xa lánh đối với người lẽ ra phải gần gũi, thân thiết.
- (8) *Đồ* : ở đây là nấu chín bằng hơi nước trong nồi hai tầng, tầng trên có lỗ ở đáy (chõ).

(9) *Sơn hào hải vị* : những món ăn ngon, quý hiếm được chế biến từ những sản vật ở núi và biển ; những món ăn quý, lạ nói chung (*sơn* : núi, *hào* : thức ăn động vật ; *hải* : biển ; *vị* : món ăn).

(10) *Nem công chả phượng* : những món ăn ngon, sang trọng và quý hiếm, ví như những thức ăn được chế biến công phu từ thịt các loại chim quý như công và phượng.

(11) *Tế*: cúng lễ.

(12) *Quần thần* : các quan trong triều (xét trong quan hệ với vua).

(13), (14) *Tượng Trời, tượng Đất*: ở đây có nghĩa là gọi hình Trời và Đất. Ngày xưa, người ta quan niệm Trời có hình tròn như cái vung, Đất có hình vuông.

(15) *Mĩ vị* : ở đây chỉ những vật liệu quý để làm bánh chưng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Vua Hùng chọn người nối ngôi trong hoàn cảnh nào, với ý định ra sao và bằng hình thức gì ?

2. Vì sao trong các con vua, chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ ?

3. Vì sao hai thứ bánh của Lang Liêu được vua cha chọn để tế Trời, Đất, Tiên vương và Lang Liêu được chọn nối ngôi vua ?

4. Hãy nêu ý nghĩa của truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*.

Ghi nhớ

Truyền thuyết ***Bánh chưng, bánh giầy*** vừa giải thích nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy, vừa phản ánh thành tựu văn minh nông nghiệp ở buổi đầu dựng nước với thái độ đề cao lao động, đề cao nghề nông và thể hiện sự thờ kính Trời, Đất, tổ tiên của nhân dân ta. Truyện có nhiều chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho truyện dân gian (nhân vật chính – Lang Liêu – trải qua cuộc thi tài, được thần giúp đỡ và được nối ngôi vua, v.v...).

LUYỆN TẬP

1. Trao đổi ý kiến ở lớp : Ý nghĩa của phong tục ngày Tết nhân dân ta làm bánh chưng, bánh giầy.

2*. Đọc truyện này, em thích nhất chi tiết nào ? Vì sao ?

TỪ VÀ CẤU TẠO CỦA TỪ TIẾNG VIỆT

I – TỪ LÀ GÌ ?

1. Lập danh sách các tiếng và danh sách các từ trong câu sau, biết rằng mỗi từ đã được phân cách với từ khác bằng dấu gạch chéo :

Thần / dạy / dân / cách / trông trọt, / chăn nuôi / và / cách / ăn ở.

(Con Rồng cháu Tiên)

2. Các đơn vị được gọi là *tiếng* và *từ* có gì khác nhau ?

Gợi ý :

- Mỗi loại đơn vị được dùng làm gì ?
- Khi nào một tiếng được coi là một từ ?

Ghi nhớ

Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.

II – TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

1. Dựa vào những kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy điền các từ trong câu dưới đây vào bảng phân loại :

Từ / đấy, / nước / ta / chăm / nghề / trông trọt, / chăn nuôi / và / có / tục / ngày / Tết / làm / bánh chưng, / bánh giầy.

(Bánh chưng, bánh giầy)

Bảng phân loại

Kiểu cấu tạo từ		Ví dụ
Từ đơn		
Từ phức	Từ ghép	
	Từ láy	

2. Cấu tạo của từ ghép và từ láy có gì giống nhau và có gì khác nhau ?

Ghi nhớ

- **Tiếng** là đơn vị cấu tạo nên từ.
- Từ chỉ gồm một tiếng là **từ đơn**. Từ gồm hai hoặc nhiều tiếng là **từ phức**.
- Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là **từ ghép**. Còn những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là **từ láy**.

III – LUYỆN TẬP

1. Đọc câu sau và thực hiện các nhiệm vụ nêu bên dưới :

[...] Người Việt Nam ta – con cháu vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên.

(Con Rồng cháu Tiên)

- a) Các từ *nguồn gốc, con cháu* thuộc kiểu cấu tạo từ nào ?
- b) Tìm những từ đồng nghĩa với từ *nguồn gốc* trong câu trên.
- c) Tìm thêm các từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc theo kiểu : *con cháu, anh chị, ông bà, ...*

2. Hãy nêu quy tắc sắp xếp các tiếng trong từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc.

Gợi ý về các khả năng sắp xếp :

- Theo giới tính (nam, nữ) : *anh chị, ...*
- Theo bậc (bậc trên, bậc dưới) : *cha anh, ...*

3. Tên các loại bánh đều được cấu tạo theo công thức "**bánh + x**" : *bánh rán, bánh nếp, bánh dẻo, bánh nướng, bánh gối, bánh tôm, bánh tẻ, bánh gai, bánh xốp, bánh khúc, bánh khoai, ...* Theo em, các tiếng đứng sau (kí hiệu x) trong những từ ghép trên có thể nêu những đặc điểm gì để phân biệt các thứ bánh với nhau ? Hãy nêu ý kiến của em bằng cách điền những tiếng thích hợp vào các chỗ trống trong bảng sau :

Nêu cách chế biến bánh	(bánh) rán, ...
Nêu tên chất liệu của bánh	(bánh) nếp, ...
Nêu tính chất của bánh	(bánh) dẻo, ...
Nêu hình dáng của bánh	(bánh) gói, ...

4. Từ láy được in đậm trong câu sau miêu tả cái gì ?

*Nghĩ tủi thân, công chúa Út ngồi khóc **thút thít**.*

(Nàng Út làm bánh ót)

Hãy tìm những từ láy khác có cùng tác dụng ấy.

5. Thi tìm nhanh các từ láy :

a) Tả tiếng cười, ví dụ : *khanh khách*

b) Tả tiếng nói, ví dụ : *ôm ôm*

c) Tả dáng điệu, ví dụ : *lom khom*

ĐỌC THÊM

Một số từ ghép có tiếng **ăn** :

ăn học, ăn nói, ăn mặc, ăn ở, ăn chơi, ăn bám, ăn bớt, ăn cắp, ăn cánh, ăn chay, ăn chặn, ăn chực, ăn đong, ăn gian, ăn hàng, ăn hót, ăn hại, ăn khách, ăn không, ăn khóp, ăn nhập, ăn theo, ăn trộm, ăn xổi, ăn ý, ...

GIAO TIẾP, VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

I – TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

1. Văn bản và mục đích giao tiếp

a) Trong đời sống, khi có một tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng (ví dụ : muốn khuyên nhủ người khác một điều gì, có lòng yêu mến bạn, muốn tham gia một hoạt động do nhà trường tổ chức, v.v...) mà cần biểu đạt cho mọi người hay ai đó biết, thì em làm thế nào ?

b) Khi muốn biểu đạt tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng ấy một cách đầy đủ, trọn vẹn cho người khác hiểu, thì em phải làm như thế nào ?

c) Đọc câu ca dao sau và trả lời câu hỏi :

*Ai ơi giữ chí cho bền
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.*

Em hãy nhận xét : Câu ca dao này được sáng tác ra để làm gì ? Nó muốn nói lên vấn đề (chủ đề) gì ? Hai câu 6 và 8 liên kết với nhau như thế nào (về luật thơ và về ý) ? Như thế đã biểu đạt trọn vẹn một ý chưa ? Theo em, câu ca dao đó đã có thể coi là một văn bản chưa ?

d) Lời phát biểu của thầy (cô) hiệu trưởng trong lễ khai giảng năm học có phải là một văn bản không ? Vì sao ?

đ) Bức thư em viết cho bạn bè hay người thân có phải là một văn bản không ?

e) Những đơn xin học, bài thơ, truyện cổ tích (kể miệng hay được chép lại), câu đối, thiệp mời dự đám cưới, ... có phải đều là văn bản không ? Hãy kể thêm những văn bản mà em biết.

2. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản

Tuỳ theo mục đích giao tiếp cụ thể mà người ta sử dụng các kiểu văn bản với các phương thức biểu đạt phù hợp. Có thể chia ra các phương thức biểu đạt sau :

TT	Kiểu văn bản, phương thức biểu đạt	Mục đích giao tiếp	Ví dụ
1	Tự sự	Trình bày diễn biến sự việc	
2	Miêu tả	Tái hiện trạng thái sự vật, con người	
3	Biểu cảm	Bày tỏ tình cảm, cảm xúc	
4	Nghị luận	Nêu ý kiến đánh giá, bàn luận	
5	Thuyết minh	Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp	
6	Hành chính - công vụ	Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người và người	

Bài tập

Cho các tình huống giao tiếp sau, hãy lựa chọn kiểu văn bản và phương thức biểu đạt phù hợp :

- Hai đội bóng đá muốn xin phép sử dụng sân vận động của thành phố ;
- Tường thuật diễn biến trận đấu bóng đá ;
- Tả lại những pha bóng đẹp trong trận đấu ;
- Giới thiệu quá trình thành lập và thành tích thi đấu của hai đội ;
- Bày tỏ lòng mến yêu môn bóng đá ;
- Bác bỏ ý kiến cho rằng bóng đá là môn thể thao tốn kém, làm ảnh hưởng không tốt tới việc học tập và công tác của nhiều người.

Ghi nhớ

- **Giao tiếp** là hoạt động truyền đạt, tiếp nhận tư tưởng, tình cảm bằng phương tiện ngôn từ.
- **Văn bản** là chuỗi lời nói miệng hay bài viết có chủ đề thống nhất, có liên kết, mạch lạc, vận dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện mục đích giao tiếp.
- Có sáu kiểu văn bản thường gặp với các phương thức biểu đạt tương ứng : tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính – công vụ. Mỗi kiểu văn bản có mục đích giao tiếp riêng.

II – LUYỆN TẬP

1. Các đoạn văn, thơ dưới đây thuộc phương thức biểu đạt nào ?

a) Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi đứa một cái giỏ, sai đi bắt tôm, bắt tép và húa, đứa nào bắt được đầy giỏ sẽ thưởng cho một cái yếm đỏ. Tấm vốn chăm chỉ, lại sợ dì mắng nên mải miết suốt buổi bắt đầy một giỏ cả tôm lẫn tép. Còn Cám quen được nuông chiều, chỉ ham chơi nên mãi đến chiều chẳng bắt được gì. Thấy Tấm bắt được đầy giỏ, Cám bảo chị :